

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

lưu số: C02 - H

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 9 năm 2026

(Kèm theo báo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 9 năm 2026)

ĐVT: đồng																							
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
														Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D
	Phần I		177,74	3,40	0,00	5,80	1,50	0,06	0,30	18,10	71,83	260,57	609.736.046	0	0	0	0	2.462.571	33.965.343	6.368.502	4.245.668	562.693.962	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,44	0,70						20%	1,43	8,57	20.049.120	0	0	0	0		1.336.608	250.614	167.076	18.294.822	Tăng lương
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.02	5,08	0,60						20%	1,14	6,82	15.949.440	0		0	0		1.063.296	199.368	132.912	14.553.864	Giảm PCƯĐN
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30						20%	0,92	5,54	12.972.960	0	0	0	0	0	864.864	162.162	108.108	11.837.826	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	4,32							20%	0,86	5,18	12.130.560	0	0	0	0		808.704	151.632	101.088	11.069.136	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26			0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	0	0	610.272	114.426	76.284	8.821.098	
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40			0,20			20%	0,94	5,86	13.721.760	0	0	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.562.056	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30						20%	0,86	5,15	12.046.320	0	0	0	0	0	803.088	150.579	100.386	10.992.267	
8	Trần Thị Bích Phượng	V.06.031	3,99							20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	
9	Nguyễn Thúy Kiều	V.06.032	3,65							20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	9.352.395	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00							20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00							20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34				0,10			20%	0,67	4,11	9.612.720	0	0	0	0		625.248	117.234	78.156	8.792.082	
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032								20%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ ốm
	Cộng		48,71	2,30	0,00	0,20	0,30	0,00	0,00	2,60	10,20	61,71	144.406.080	0	0	0	0	0	9.549.072	1.790.451	1.193.634	131.872.923	
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99			0,20				60%	2,39	6,58	15.406.560	0	0	0	0	22.286	746.928	140.049	93.366	14.403.931	Giảm PCCV, Ct 1 ngày
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65			0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,99			0,20				60%	2,39	6,58	15.406.560	0	0	0	0	44.571	746.928	140.049	93.366	14.381.646	Giảm PCTN, Ct 2 ngày
17	Nguyễn Thị Ban	V.08.05.13	3,65			0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
18	Trịnh Thị Thúy Nga	V.08.05.13	3,65			0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
19	Huỳnh Văn Văn	V.08.07.18	4,32							50%	2,16	6,48	15.163.200	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	14.101.776	
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32							40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	

21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	4,32							40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	Giám PCCV
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	89.143	746.928	140.049	93.366	12.469.754	P 4 ngày
23	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3,65			0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	0	22.286	683.280	128.115	85.410	11.506.309	P 1 ngày
24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34							40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	Giám PCTN
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66				0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	4,32			0,20	0,10			40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	0	0	55.714	808.704	151.632	101.088	13.737.182	P 2,5 ngày
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66			0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	0	44.571	685.152	128.466	85.644	11.748.327	P 2 ngày
28	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	Giám PCCV
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	4,32			0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	0	468.000	808.704	151.632	101.088	13.090.896	Giám PCCV
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	378.857	746.928	140.049	93.366	12.180.040	Tr 4 ngày
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	378.857	746.928	140.049	93.366	12.180.040	Tr 4 ngày
32	Nguyễn Thị Lê Thủy	V.08.06.16	3,65			0,20	0,00			40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	0	378.857	683.280	128.115	85.410	11.149.738	Tr 4 ngày
33	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40		0,20				50%	2,74	8,42	19.702.800	0	0	0	0	111.429	1.025.856	192.348	128.232	18.244.935	P 5 ngày
34	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3,96							50%	1,98	5,94	13.899.600	0	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.926.628	
35	Nguyễn Thị Nờ	V.08.05.13	3,65							50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
37	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3,65			0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	0	245.143	683.280	128.115	85.410	11.283.452	P 6 ngày, H 5 ngày
38	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4,98	0,30		0,40		6%	0,2988	70%	3,91	9,88	23.128.466	0	0	0	0	0	1.044.351	195.816	130.544	21.757.755	Tăng PCTNVK
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,99			0,40				60%	2,39	6,78	15.874.560	0	0	0	0	222.857	746.928	140.049	93.366	14.671.360	P 5 ngày
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65			0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.704.795	
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65			0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.704.795	
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40						40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34							40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,67							40%	1,07	3,74	8.746.920	0					499.824	93.717	62.478	8.090.901	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99			0,40				40%	1,60	5,99	14.007.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.026.897	
	Cộng		129,03	1,10	0,00	5,60	1,20	0,06	0,30	15,50	61,63	198,86	465.329.966	0	0	0	0	2.462.571	24.416.271	4.578.051	3.052.034	430.821.039	
	Phần II		118,88	2,70	0,00	3,00	2,70	0,07	0,35	12,70	45,69	173,32	405.557.194	2.423.850	0	0	2.423.850	913.715	22.825.034	4.279.694	2.853.129	372.261.772	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	5,08	0,60						20%	1,14	6,82	15.949.440	0	0	0	0	0	1.063.296	199.368	132.912	14.553.864	Tăng lương, Giám PCUĐN
48	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3,66							20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	Giám PCUĐN
49	Đỗ Minh Mão	V.08.04.10	3,66							20%	0,73	4,39	10.277.280	0			0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
50	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27							20%	0,85	5,12	11.990.160	0	0	0	0	0	799.344	149.877	99.918	10.941.021	Giám PCUĐN
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,33							20%	0,67	4,00	9.350.640	0			0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	

52	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	4,32	0,40						20%	0,94	5,66	13.253.760	0	0	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.094.056	
53	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,99							20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	Giám PCU/ĐN
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99							20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	Giám PCU/ĐN
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	2,26							20%	0,45	2,71	6.346.080	2.423.850	0	0	2.423.850	0	423.072	79.326	52.884	3.366.948	Ô 11 ngày
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33							20%	0,67	4,00	9.350.640	0			0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	
57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00							20%	0,60	3,60	8.424.000	0			0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
58	Đinh Văn Đất	01.003	2,34							20%	0,47	2,81	6.570.720	0			0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34							20%	0,47	2,81	6.570.720	0			0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66							20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
	Cộng		49,23	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2,80	10,05	60,28	141.045.840	2.423.850	0	0	2.423.850	0	9.403.056	1.763.073	1.175.382	126.280.479	
61	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40		0,20				60%	3,29	8,97	20.985.120	0	0	0	0	178.286	1.025.856	192.348	128.232	19.460.398	P 8 ngày
62	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,42	0,30		0,20				60%	3,43	9,35	21.883.680	0	0	0	0	0	1.070.784	200.772	133.848	20.478.276	
63	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	3,00								0,00	3,00	7.020.000	0	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	6.282.900	Đi học
64	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67			0,20	0,30			60%	1,60	4,77	11.166.480	0			0	89.143	499.824	93.717	62.478	10.421.318	P 1 ngày, Ct 3 ngày
65	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,99			0,20	0,30			60%	2,39	6,88	16.108.560	0	0	0	0	178.286	746.928	140.049	93.366	14.949.931	P 8 ngày
66	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65			0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
67	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00			0,20	0,30			60%	1,80	5,30	12.402.000	0	0		0	89.143	561.600	105.300	70.200	11.575.757	P 3 ngày, Ct 01 ngày
68	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34			0,20	0,30			60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	0	0	133.714	625.248	117.234	78.156	12.720.608	P 6 ngày
69	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41			0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
70	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,67			0,20	0,30			60%	1,60	4,77	11.166.480	0	0	0	0	66.857	499.824	93.717	62.478	10.443.604	H 3 ngày
71	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96			0,20	0,30			60%	2,38	6,84	15.996.240	0	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	15.023.268	
72	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,41							40%	0,96	3,37	7.895.160	0			0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
73	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	2,10				0,30			60%	1,26	3,66	8.564.400	0			0	0	393.120	73.710	49.140	8.048.430	
74	Đặng Anh Tuyển	V.08.01.03	4,98	0,40		0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	19.234.894	0	0	0	0	111.429	1.072.394	201.074	134.049	17.715.948	P 5 ngày
75	Lưu Trọng Ảnh	V.08.01.03	3,00			0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.558.900	
76	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
77	Nguyễn Thị Mộng Thuý	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	66.857	685.152	128.466	85.644	11.492.041	H 3 ngày
78	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66							40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
79	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30		0,20				50%	1,82	5,65	13.209.300	0	0	0	0	0	679.536	127.413	84.942	12.317.409	
80	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,66	0,30						40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
	Cộng		69,65	1,70	0,00	3,00	2,70	0,07	0,35	9,90	35,64	113,04	264.511.354	0	0	0	0	913.715	13.421.978	2.516.621	1.677.747	245.981.293	
	Phần I+Phần II		296,62	6,10	0,00	8,80	4,20	0,13	0,65	30,80	117,52	433,89	1.015.293.240	2.423.850	0	0	2.423.850	3.376.286	56.790.377	10.648.196	7.098.797	934.955.734	
81	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
82	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66							50%	1,83	5,49	12.846.600	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.947.338	
83	Lê Thị Thanh Tuyển	V.08.05.12	3,99							50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	

84	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40		0,20				40%	2,33	8,35	19.534.320	0	0	0	0	22.286	1.089.504	204.282	136.188	18.082.060	Ct 1 ngày
85	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30		0,20				40%	2,29	8,21	19.206.720	0	0	0	0	44.571	1.070.784	200.772	133.848	17.756.745	P 2 ngày
86	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30				5%	0,2490	40%	2,21	7,74	18.113.004	0	0	0	0	0	1.035.029	194.068	129.379	16.754.528	
87	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40		0,20				40%	2,06	7,40	17.306.640	0	0	0	0	378.857	962.208	180.414	120.276	15.664.885	Tr 4 ngày
88	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30		0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	0	445.714	803.088	150.579	100.386	13.022.273	Tr 1 ngày
89	La Thị Nhẫn	V.08.01.03	4,32	0,30		0,20				40%	1,85	6,67	15.603.120	0	0	0	0	0	864.864	162.162	108.108	14.467.986	
90	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	Giám PCCV
91	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99			0,40				60%	2,39	6,78	15.874.560	0	0	0	0	222.857	746.928	140.049	93.366	14.671.360	Giám PCCV, P 5 ngày
92	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66								0,00	3,66	8.564.400	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	7.665.138	
93	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66							40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	Giám PCCV
94	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40						40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
95	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,40						40%	2,06	7,20	16.838.640	0	0	0	0	0	962.208	180.414	120.276	15.575.742	
96	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	Giám PCCV
97	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30		0,10				40%	2,02	7,16	16.745.040	0	0	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.506.712	
98	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40		0,10				40%	2,33	8,25	19.300.320	0	0	0	0	11.143	1.089.504	204.282	136.188	17.859.203	P 1 ngày
99	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13								60%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ Thai sản
100	Nguyễn Thị Trang		2,67								0,00	2,67	6.247.800	0			0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Tăng mới
101	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13								40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ Thai sản
102	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00			0,20	0,10			40%	1,20	4,50	10.530.000	0	0	0	0	44.571	561.600	105.300	70.200	9.748.329	P 2 ngày
103	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66			0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	0	11.143	685.152	128.466	85.644	11.781.755	P 0,5 ngày
104	Nguyễn Thị Hương	V.08.06.16	3,96				0,10			40%	1,58	5,64	13.206.960	0	0	0	0		741.312	138.996	92.664	12.233.988	Tăng lương
105	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66				0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	V.08.06.15	3,99			0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	0	0	66.857	746.928	140.049	93.366	12.726.040	P 3 ngày
107	Nguyễn Thị Lắm	V.08.06.15								40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ Ỗ 19,5 ngày
108	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32				0,10			40%	1,73	6,15	14.386.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.324.896	
109	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66				0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
110	Nguyễn Thị Thủy	V.08.06.15	3,99				0,10			40%	1,60	5,69	13.305.240	0					746.928	140.049	93.366	12.324.897	
111	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98			0,20				40%	1,99	7,17	16.782.480	0	0	0	0	445.714	932.256	174.798	116.532	15.113.180	Tr 1 ngày
112	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72			0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	0	0	378.857	509.184	95.472	63.648	8.331.559	Tr 4 ngày
113	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00			0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	0	0	401.143	561.600	105.300	70.200	9.157.757	Tr 3 ngày
114	Lê Thị Mỹ Điện	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0			0	378.857	685.152	128.466	85.644	11.180.041	Tr 4 ngày
115	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66			0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	378.857	685.152	128.466	85.644	11.180.041	Tr 4 ngày
116	Trương Thị Bích Phượng	V.08.05.13	2,72			0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	0	0	378.857	509.184	95.472	63.648	8.331.559	Tr 4 ngày
117	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41			0,20				40%	0,96	3,57	8.363.160	0	0	0	0	468.000	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
118	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03								50%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản

119	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65							50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
120	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34			0,20				40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.589.202	
121	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00							50%	1,50	4,50	10.530.000	1.170.000	0	0	1.170.000	0	561.600	105.300	70.200	8.622.900	Ô 4 ngày
122	Nguyễn Thị Minh Khá	V.08.05.12	4,32			0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0				66.857	808.704	151.632	101.088	13.492.039	P 3 ngày
123	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65			0,20				50%	1,83	5,68	13.279.500	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	12.382.695	
124	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10							40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	
125	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32			0,40				70%	3,02	7,74	18.120.960	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	17.059.536	
126	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27			0,40				70%	2,99	7,66	17.922.060	0	0	0	0	0	799.344	149.877	99.918	16.872.921	
127	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2,41							40%	0,96	3,37	7.895.160	1.879.800	0	0	1.879.800	0	451.152	84.591	56.394	5.423.223	Ô 8 ngày, Đi làm lại sau nghỉ ốm
128	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41							40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
129	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26							40%	1,30	4,56	10.679.760	0	0	0	0	0	610.272	114.426	76.284	9.878.778	
130	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32							40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
131	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03							40%	1,21	4,24	9.926.280	0	0	0	0	0	567.216	106.353	70.902	9.181.809	
132	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33								0,00	3,33	7.792.200	0				0	623.376	116.883	77.922	6.974.019	Đi học, giảm PCU/ĐN
133	Trần Thị Dưa	V.08.07.19	3,03								0,00	3,03	7.090.200	0				0	567.216	106.353	70.902	6.345.729	Đi học, giảm PCU/ĐN
134	Trần Bền Thom	V.08.01.03	2,67							40%	1,07	3,74	8.746.920	0				0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
135	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,46			0,20				20%	0,69	4,35	10.183.680	0	0	0	0	66.857	647.712	121.446	80.964	9.266.701	P 3 ngày
136	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32			0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
137	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65							40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
138	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34							40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
139	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,99							40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
140	Võ Thị Kim Phương	V.08.08.23	3,33							40%	1,33	4,66	10.909.080	0	0	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
141	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3,65			0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	0	22.286	683.280	128.115	85.410	11.506.309	Ct 1 ngày
142	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67							40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
143	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67							40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
144	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65							40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
145	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32			0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	0	66.857	808.704	151.632	101.088	13.492.039	P 3 ngày
146	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32			0,00				40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
147	Huỳnh Văn Tấn	V.08.07.18	4,32			0,30				40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.792.896	
148	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	89.143	746.928	140.049	93.366	12.469.754	P 4 ngày
149	Nguyễn Hồng Văn	V.08.07.18	4,98			0,30		6%	0,2988	60%	3,17	8,75	20.465.827	0	0	0	0	0	988.191	185.286	123.524	19.168.826	Tăng PCTNVK
150	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66			0,30				70%	2,56	6,52	15.261.480	0	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	14.362.218	
151	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,96							40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	Tăng lương

152	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65			0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.294.595	
153	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65			0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	0	11.143	683.280	128.115	85.410	11.283.452	P 1 ngày
154	Trần Thành Kiêm	V.08.07.19	3,96			0,40				40%	1,58	5,94	13.908.960	0	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.935.988	
155	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,99			0,10				40%	1,60	5,69	13.305.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.324.897	
156	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,99			0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
157	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,33			0,40				40%	1,33	5,06	11.845.080	0	0	0	0	445.714	623.376	116.883	77.922	10.581.185	P 10 ngày
158	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34			0,40				40%	1,34	5,08	11.877.840	0	0	0	0	222.857	625.248	117.234	78.156	10.834.345	P 5 ngày
	Phần III		277,06	3,50	0,00	9,20	0,80	0,11	0,55	31,50	114,00	405,11	947.949.631	3.049.800	0	0	3.049.800	5.069.998	52.623.380	9.866.884	6.577.923	870.761.646	
	Tổng cộng I+II+III		573,680	9,60	0,00	18,00	5,00	0,24	1,1952	62,30	231,52	838,99	1.963.242.871	5.473.650	0	0	5.473.650	8.446.284	109.413.757	20.515.080	13.676.720	1.805.717.380	

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm lẻ năm triệu bảy trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)
 Tháng 9 năm 2026

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
														Lương	PCCV	PCTNV K			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03					5%	0,20	20%	0,84630	5,08	12.846.834	0			0		856.456	160.585	107.057	11.722.736	
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	12.846.834	0	0	0	0	0	856.456	160.585	107.057	11.722.736	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng chẵn.